

Thành phần:
Ketoprofen2,5%(kl/kl)
Tá dược:Vừa đủ 10g
Chỉ định: Giảm triệu chứng đau trong các tình trạng chấn thương mô mềm, bao gồm chấn thương thể thao, bong gân, căng cơ, viêm cơ-gân, sưng tấy, đau lưng và đau thấp khớp.

Cách dùng, liều dùng:
Liều dùng:
- Bôi 2 - 4g gel tại chỗ đau, ngày 2 - 4 lần.
Đợt điều trị không quá 10 ngày.
Cách dùng:
- Bôi ngoài da.

ZENOYLD
Ketoprofen 2.5%

ZENOYLD
Ketoprofen 2.5%



Chống chỉ định và các thông tin khác:
Xem trên tờ hướng dẫn sử dụng bên trong hộp.
Bảo quản: Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng trực tiếp.
Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.
Tiêu chuẩn: TCCS.
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Để xa tầm tay trẻ em.

SĐK:
Số lô SX:
Ngày SX:
HD:
Cỡ sở sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG
Địa chỉ: Số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương



ZENOYLD
Ketoprofen 2.5%

ZENOYLD
Ketoprofen 2.5%

Thành phần:
Ketoprofen 2,5% (kl/kl)
Tá dược:Vừa đủ 10g
Chỉ định, Chống chỉ định, Cách dùng - liều dùng và các thông tin khác:
Xem trên tờ hướng dẫn sử dụng bên trong hộp.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
Để xa tầm tay trẻ em.
Bảo quản: Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng trực tiếp.
Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.
Tiêu chuẩn: TCCS.

ZENOYLD
Ketoprofen 2.5%



Cỡ sở sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG
Địa chỉ: Số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

SĐK:
Số lô SX:
Ngày SX:
HD:

Thành phần:
Ketoprofen2,5% (kl/kl)
Tá dược:Vừa đủ 20g

Chỉ định: Giảm triệu chứng đau trong các tình trạng chấn thương mô mềm, bao gồm chấn thương thể thao, bong gân, căng cơ, viêm cơ-gân, sưng tấy, đau lưng và đau thấp khớp.

Cách dùng, liều dùng:
Liều dùng:
- Bôi 2 - 4g gel tại chỗ đau, ngày 2 - 4 lần.
Đợt điều trị không quá 10 ngày.
Cách dùng:
- Bôi ngoài da.

ZENOYLD
Ketoprofen **2.5%**

20G GEL

Chống chỉ định và các thông tin khác:
Xem trên tờ hướng dẫn sử dụng bên trong hộp.
Bảo quản: Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng trực tiếp.
Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.
Tiêu chuẩn: TCCS.
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Để xa tầm tay trẻ em.

SĐK:
Số lô SX:
Ngày SX:
HD:

Cơ sở sản xuất: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG**
Địa chỉ: Số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

20G GEL

ZENOYLD
Ketoprofen **2.5%**

ZENOYLD
Ketoprofen **2.5%**

Thành phần:
Ketoprofen2,5% (kl/kl)
Tá dược:Vừa đủ 20g

Chỉ định, Chống chỉ định, Cách dùng - liều dùng và các thông tin khác:
Xem trên tờ hướng dẫn sử dụng bên trong hộp.

Công ty Cổ phần Dược Vật Tư Y tế Hải Dương
Số 102, Phố Chi Lăng, Phường Nguyễn Trãi, Thành Phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương

ZENOYLD
Ketoprofen **2.5%**

20G GEL

Công ty Cổ phần Dược Vật Tư Y tế Hải Dương
Số 102, Phố Chi Lăng, Phường Nguyễn Trãi, Thành Phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương

SĐK:
Số lô SX:
Ngày SX:
HD:

ZENOYLD
Ketoprofen 2.5%

Thành phần:
Ketoprofen2,5% (kl/kl)
Tá dược:Vừa đủ 30g
Chỉ định: Giảm triệu chứng đau trong các tình trạng chấn thương mô mềm, bao gồm chấn thương thể thao, bong gân, căng cơ, viêm cơ-gân, sưng tấy, đau lưng và đau thấp khớp.

Cách dùng, liều dùng:
Liều dùng:
- Bôi 2 - 4g gel tại chỗ đau, ngày 2 - 4 lần.
Đợt điều trị không quá 10 ngày.
Cách dùng:
- Bôi ngoài da.

ZENOYLD
Ketoprofen 2.5%



Chống chỉ định và các thông tin khác:
Xem trên tờ hướng dẫn sử dụng bên trong hộp.
Bảo quản: Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng trực tiếp.
Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.
Tiêu chuẩn: TCCS.
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Để xa tầm tay trẻ em.

SĐK:
Số lô SX:
Ngày SX:
HD:
Cơ sở sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG
Địa chỉ: Số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương



ZENOYLD
Ketoprofen 2.5%

ZENOYLD
Ketoprofen 2.5%



Thành phần:
Ketoprofen2,5% (kl/kl)
Tá dược:Vừa đủ 30g
Chỉ định, Chống chỉ định, Cách dùng - liều dùng và các thông tin khác:
Xem trên tờ hướng dẫn sử dụng bên trong hộp.
Bảo quản: Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng trực tiếp.
Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.
Tiêu chuẩn: TCCS.

ZENOYLD
Ketoprofen 2.5%



Cơ sở sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG
Địa chỉ: Số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Số lô SX:
Ngày SX:
HD:

SĐK:

ZENOYLD
Ketoprofen 2.5%

Thành phần:
Ketoprofen2,5% (kl/kl)
Tá dược:Vừa đủ 50g
Chỉ định: Giảm triệu chứng đau trong các tình trạng
chấn thương mô mềm, bao gồm chấn thương thể thao,
bong gân, căng cơ, viêm cơ-gân, sưng tấy, đau lưng và
đau thấp khớp.

Cách dùng, liều dùng:
Liều dùng:
- Bôi 2 - 4g gel tại chỗ đau, ngày 2 - 4 lần.
Đợt điều trị không quá 10 ngày.
Cách dùng:
- Bôi ngoài da.

ZENOYLD
Ketoprofen 2.5%



Chống chỉ định và các thông tin khác:
Xem trên tờ hướng dẫn sử dụng bên trong hộp.
Bảo quản: Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C,
tránh ánh sáng trực tiếp.
Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.
Tiêu chuẩn: TCCS.
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Để xa tầm tay trẻ em.

SĐK:
Số lô SX:
Ngày SX:
HD:

Cơ sở sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG
Địa chỉ: Số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành
phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương



ZENOYLD
Ketoprofen 2.5%

ZENOYLD
Ketoprofen 2.5%



Thành phần:
Ketoprofen2,5% (kl/kl)
Tá dược:Vừa đủ 50g
**Chỉ định, Chống chỉ định, Cách dùng - liều
dùng và các thông tin khác:**
Xem trên tờ hướng dẫn sử dụng bên trong hộp.

*Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
Để xa tầm tay trẻ em.*
Bảo quản: Nơi khô ráo, nhiệt độ không
quá 30°C, tránh ánh sáng trực tiếp.
Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.
Tiêu chuẩn: TCCS.

ZENOYLD
Ketoprofen 2.5%



Cơ sở sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG
Địa chỉ: Số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành
phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Số lô SX:
Ngày SX:
HD:

SBK:

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Tên thuốc: ZENOYLD

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Để xa tầm tay trẻ em.

1. Thành phần, hàm lượng của thuốc: Mỗi 10g Gel có chứa:

Thành phần	Hàm lượng
Ketoprofen	2,5% (kl/kl)
<i>Tá dược:</i> Propylen glycol, PEG 400, Carbopol 940, Triethylamin, Ethanol 96%, Hương Aloe fresh, Nước tinh khiết.	Vừa đủ 10g

2. Dạng bào chế: Gel thể chất mịn, mềm, đồng nhất.

3. Chỉ định:

- Giảm triệu chứng đau trong các tình trạng chấn thương mô mềm, bao gồm chấn thương thể thao, bong gân, căng cơ, viêm cơ-gân, sưng tấy, đau lưng và đau thấp khớp.

4. Cách dùng, liều dùng:

4.1. Liều dùng:

- Bôi 2 – 4g gel tại chỗ đau, ngày 2 - 4 lần. Đợt điều trị không quá 10 ngày.

4.2. Cách dùng:

- Bôi ngoài da.

5. Chống chỉ định:

- Mẫn cảm với bất cứ thành phần nào của thuốc.
- Các phản ứng quá mẫn khác đã được biết như hen suyễn, viêm mũi dị ứng, dị ứng với ketoprofen, fenofibrat, acid tiaprofenic, acid acetylsalicylic hoặc với các NSAID khác.
- Người có tiền sử dị ứng da với Ketoprofen, acid tiaprofenic, fenolibrat, kem chống nắng UV hoặc các mùi hương.
- Tiếp xúc vùng da sử dụng thuốc với ánh sáng mặt trời trong suốt quá trình điều trị và 2 tuần sau khi ngừng thuốc.
- Các trường hợp suy yếu bệnh lý như eczema, mụn trứng cá, nhiễm trùng da hoặc các vết thương hở.
- Ba tháng cuối của thai kỳ.
- Tính an toàn và hiệu quả của gel Ketoprofen ở trẻ em dưới 18 tuổi chưa được đánh giá. Không nên dùng gel ketoprofen cho lứa tuổi này.



6. Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc:

- Cần thận trọng khi sử dụng thuốc ở các bệnh nhân bị suy giảm chức năng tim, gan, thận.
- Chỉ sử dụng thuốc ngoài da. Rửa tay thật kỹ trước và sau khi sử dụng thuốc (trừ khi đó là vùng da sử dụng thuốc).
- Tránh để vùng da sử dụng thuốc tiếp xúc với ánh sáng trong suốt quá trình điều trị và trong 2 tuần sau khi ngừng sử dụng thuốc.
- Thời gian điều trị không nên kéo dài quá thời gian chỉ định do sẽ tăng nguy cơ viêm da do tiếp xúc và nhạy cảm với ánh sáng.
- Bệnh nhân hen suyễn có liên quan tới viêm mũi mạn, viêm xoang mạn và/hoặc polyp mũi có nguy cơ gia tăng các phản ứng dị ứng với Aspirin và/hoặc NSAIDs.
- Sản phẩm chứa Propylen glycol nên có thể gây kích ứng da.

7. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú:

- Không dùng ketoprofen cho người mang thai, đặc biệt trong 3 tháng cuối thai kỳ hoặc khi gần chuyển dạ do ketoprofen ức chế tổng hợp prostaglandin, gây nguy cơ tăng áp lực phổi tồn lưu ở trẻ sơ sinh, do đóng ống động mạch trước khi sinh. Ketoprofen gây nguy cơ chảy máu ở thai nhi và người mẹ. Ketoprofen ức chế chức năng thận của thai nhi gây vô niệu cho trẻ sơ sinh. Ketoprofen còn ức chế chuyển dạ đẻ, kéo dài thời gian mang thai và có thể gây độc cho đường tiêu hóa và ít nước ối, nếu dùng thuốc trong thai kỳ
- Ketoprofen tiết vào sữa người với nồng độ thấp. Khuyến cáo không dùng thuốc này cho người mẹ trong thời kỳ cho con bú.

8. Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc:

- Chưa ghi nhận được báo cáo phản ứng bất lợi về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc.

9. Tương tác thuốc, tương kỵ của thuốc:

*** Tương tác thuốc:**

- Tương tác với các thuốc khác khó có thể xảy ra vì nồng độ Ketoprofen trong huyết thanh sau khi bôi qua da rất thấp. Tuy nhiên, khi dùng đồng thời aspirin hoặc các NSAIDs khác có thể làm tăng tỷ lệ phản ứng có hại. Các tương tác nghiêm trọng đã được ghi nhận sau khi sử dụng methotrexate liều cao với các thuốc chống viêm không steroid, kể cả ketoprofen, khi dùng theo đường toàn thân.

*** Tương kỵ thuốc:**

- Do không có nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

10. Tác dụng không mong muốn của thuốc:

- Ketoprofen hấp thu qua da ít nên chủ yếu tác dụng không mong muốn trên da. Tác dụng không mong muốn giảm đáng kể nếu hạn chế tiếp xúc với ánh sáng mặt trời trong suốt quá trình điều trị và 2 tuần sau khi ngừng dùng thuốc.

- Mức độ xảy ra các tác dụng không mong muốn được phân loại như sau: Rất thường gặp ($\geq 1/10$), thường gặp ($1/100 \leq \text{ADR} < 1/10$), ít gặp ($1/1000 \leq \text{ADR} < 1/100$), hiếm gặp ($1/10000 \leq \text{ADR} < 1/1000$), rất hiếm gặp ($\text{ADR} < 1/10000$), chưa được biết (Tỷ lệ không thể xác định được bằng các dữ liệu hiện có).

- *Rối loạn hệ thống miễn dịch:*

- + Chưa được biết: Sốc phản vệ, phù mạch, phản ứng quá mẫn.

- *Bệnh lý của da và mô dưới da:*

- + Chưa được biết: Phản ứng da tại chỗ như ban đỏ, cảm giác nóng rát.

- + Hiếm gặp: Phản ứng ngoài da: mẫn cảm với ánh sáng, nổi mề đay.

- *Thận - tiết niệu:*

- + Rất hiếm gặp: Trường hợp xấu đi của suy thận trước đó.

Thông báo cho bác sĩ tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc

11. Quá liều và cách xử trí:

11.1. Quá liều:

- Quá liều khó có thể xảy ra khi dùng tại chỗ.
- Nếu vô tình uống phải, gel có thể gây ra các tác dụng phụ toàn thân tùy thuộc vào lượng uống vào.

11.2. Xử trí:

- Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc đến cơ sở y tế gần nhất.
- Theo dõi tích cực, điều trị triệu chứng.

12. Đặc tính dược lực học:

- Nhóm tác dụng dược lý: Thuốc chống viêm không steroid (NSAID).
- Mã ATC: M02AA10.
- Ketoprofen là dẫn chất của acid propionic thuộc nhóm thuốc chống viêm không steroid có 2 dạng đồng phân đối quang. Đồng phân dạng S-(+) dexketoprofen có tác dụng giảm đau mạnh hơn gấp 2 lần ketoprofen. Do ketoprofen ức chế cyclooxygenase không chọn lọc

(COX-1, COX-2) làm giảm tổng hợp các prostaglandin. Thuốc ức chế COX-2 nên có tác dụng chống viêm, giảm đau và hạ sốt. - Ngoài ức chế COX, ketoprofen còn có thể ức chế hóa hướng động bạch cầu, thay đổi hoạt động các tế bào lympho, giảm các cytokin là những yếu tố tiền viêm, ổn định màng lysosom, kháng bradykinin nên góp phần làm giảm viêm.

- Trong điều trị viêm khớp dạng thấp hoặc hư (thoái hóa) xương khớp, các thuốc chống viêm không steroid thường được dùng chủ yếu để giảm đau hơn là chống viêm; các thuốc này chỉ ức chế tổng hợp và ức chế giải phóng các chất trung gian gây đau và viêm (prostaglandin, bradykinin, histamin), do đó ketoprofen chỉ làm nhẹ bớt các triệu chứng của bệnh như đau, cứng khớp buổi sáng, đau lúc nghỉ và cải thiện vận động; thuốc không làm ngừng bệnh lâu dài hoặc đảo ngược quá trình bệnh cơ bản. Để đạt được điều đó, người bệnh phải được điều trị với các thuốc ức chế miễn dịch như dùng liều cao glucocorticoid.

- Tác dụng giảm đau của ketoprofen là do ức chế tổng hợp prostaglandin dẫn đến làm giảm sự nhạy cảm của các thụ thể đau với các kích thích cơ học hoặc/và với các chất trung gian hóa học như bradykinin, histamin. Bởi vậy, trong lâm sàng, ketoprofen là thuốc giảm đau rất có hiệu quả trong các trường hợp đau sau phẫu thuật. Vì có nguy cơ gây chảy máu, không dùng ketoprofen để điều trị đau liên quan đến chảy máu kín đáo (đau sau khi bị tai nạn) hoặc đau liên quan đến chấn thương ở hệ TKTW.

13. Đặc tính dược động học:

- Thuốc hấp thu rất ít qua da. Sinh khả dụng của Ketoprofen khi dùng tại chỗ bằng khoảng 5% so với sinh khả dụng khi dùng đường uống.
- Thuốc liên kết với protein huyết tương khoảng 99%. Ketoprofen được thải trừ qua thận chủ yếu dưới dạng liên hợp glucuronid.

14. Quy cách đóng gói:

Hộp 1 tuýp 10g, hộp 1 tuýp 20g, hộp 1 tuýp 30g, hộp 1 tuýp 50g; kèm hướng dẫn sử dụng.

15. Điều kiện bảo quản, hạn dùng, tiêu chuẩn chất lượng của thuốc:

- *Điều kiện bảo quản:* Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng trực tiếp.
- *Hạn dùng:* 36 tháng kể từ ngày sản xuất.
- *Tiêu chuẩn chất lượng:* TCCS.

16. Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc:



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

*Địa chỉ: Số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi,
thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.*

